

Hà Nội, ngày 20. tháng 5 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 10 tháng 5 năm 2013.

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1.

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc được tiến hành họp vào ngày 10/5/2013 theo Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15/04/2013 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với 300 cổ đông, nắm giữ 28.160.833 cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 78,2% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (chi tiết tại Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông).

Hội đồng quản trị chủ trì Đại hội. Chủ tịch HĐQT chủ tọa Đại hội.

2. Đại hội đã thống nhất thông qua về thực hiện các thủ tục trước khi và bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

Theo giới thiệu của Hội đồng quản trị, Đại hội đã thông qua các Ban phục vụ Đại hội: Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (Ban bầu cử) và Thư ký Đại hội.

Đại hội cũng đã nghe và thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình họp và Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Điều 2. Thực hiện các nội dung của Đại hội:

Sau khi nghe báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, ý kiến phát biểu và đề xuất của một số Cổ đông liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD năm 2012 và phương hướng kế

Nhac

hoạch năm 2013 do ông Trương Việt Hà, Phó Tổng Giám đốc trình bày (Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 99,48%), với các chỉ tiêu và mục tiêu chủ yếu:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2012		
			Kế hoạch	Thực hiện	%
I	GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	200,20	141,70	71%
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	200,20	133,80	
2	Sản xuất & bán điện thương phẩm	10 ⁶ KWh	210,00	149,84	71%
-	Giá trị	10 ⁶ đ	176,00	133,80	76%
-	Doanh thu CDM	10 ⁶ đ	24,15	7,90	
	<i>Trong đó</i>				
A	NM thủy điện Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	111,20	63,20	57%
-	Doanh Thu (gồm cả CDM)	10 ⁶ đ	111,20	63,20	
-	Sản lượng điện	10 ⁶ KWh	130,00	83,76	64%
B	NM TĐ Nậm Công & Nậm Sỏi	10 ⁶ đ	89,00	78,50	88%
-	Doanh Thu	10 ⁶ đ	79,80	70,60	
-	Doanh Thu từ giảm phát thải	10 ⁶ đ	9,20	7,90	
-	Sản lượng điện	10 ⁶ KWh	80,00	66,08	83%
II	Lao động và tiền lương				
1	Tổng số CBCNV toàn công ty	Người	151,00	130,00	
2	Tổng quỹ lương	10 ⁶ đ	11,12	9,65	
3	Tiền lương bình quân	10 ³ đ	6,14	6,19	

2. Nhiệm vụ năm 2013; kế hoạch cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	TL tăng trưởng (%)
I	GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	141,70	180,00	127%
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	133,80	180,00	
2	Sản xuất & bán điện thương phẩm	10 ⁶ KWh	149,84	205,00	137%
-	Giá trị	10 ⁶ đ	133,80	171,00	
-	Doanh thu CDM	10 ⁶ đ	7,90	9,00	
	<i>Trong đó</i>				
A	NM thủy điện Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	63,20	90,00	142%
-	Doanh Thu	10 ⁶ đ	63,20	90,00	

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Tl. tăng trưởng (%)
-	Sản lượng điện	10 ⁶ KWh	83,76	130,00	
B	NM TĐ Nậm Công & Nậm Sỏi	10 ⁶ đ	78,50	90,00	115%
-	Doanh Thu	10 ⁶ đ	70,60	81,00	
-	Doanh Thu từ giảm phát thải	10 ⁶ đ	7,90	9,00	
-	Sản lượng điện	10 ⁶ KWh	66,08	75,00	
II	Lao động và tiền lương				
1	Tổng số CBCNV toàn công ty	Người	130,00	110,00	
2	Tổng quỹ lương	10 ⁶ đ	9,65	9,65	
3	Tiền lương bình quân	10 ³ đ	6,19	7,31	

3. Một số biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2013:

- Ba nhà máy đều đã vận hành ổn định và đồng bộ, hệ thống truyền tải điện đã xong; hồ thủy điện Nậm Chiến 1 đã bắt đầu hoạt động do đó phải thực hiện tốt công tác quản lý vận hành đảm bảo không để dừng máy trong điều kiện có đủ nước.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý, điều độ hệ thống điện để phát huy tối đa công suất giờ cao điểm.
- Thường xuyên kiểm tra bảo trì bảo dưỡng máy móc, hạn chế hư hỏng đột xuất của nhà máy. Tổ chức tốt việc tự sửa chữa trong quá trình vận hành.
- Tiếp tục đề xuất với EVN để điều chỉnh tăng giá bán điện cho NMTĐ Nậm Chiến 2.
- Tiếp tục làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại vốn theo phương án tài chính đã được trình bày và thông qua.
- Quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý vận hành nhà máy, điện tự dùng, điện công sở, phương tiện đi lại...

II. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2012; Kế hoạch sản xuất năm 2013 và dự kiến doanh thu- chi phí 5 năm tiếp theo. (có phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

(Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 99,7%)

III. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2012 và kế hoạch năm 2013 (Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 99,51%).

IV. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012 (tỷ lệ biểu quyết thông qua: 99,44%).

V. Thông qua mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2013.

Đại hội đồng cổ đông quyết định: giữ nguyên mức trả thù lao các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như năm 2012 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt trả thù lao theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch hàng tháng của Công ty.

(Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 98,91%).

VI. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2013.

Đại hội cổ đông Ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2013 theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

(Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 99,7%).

VII. Đại hội cổ đông giao cho Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới giải quyết các việc liên quan đến Công ty TNHH một thành viên XL& KTVLXD Tây Bắc, giải quyết dứt điểm việc vốn góp bằng lợi thế Công ty CP thủy điện Nậm Chiến trong năm 2013.

VIII. Thông qua việc thôi nhiệm chức vụ thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ năm 2007- 2012; Đề cử nhân sự HĐQT, BKS để Đại hội bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ năm 2013- 2018. (Danh sách kèm theo Nghị Quyết này)

- Thông qua Quy chế Bầu cử. Đại hội cổ đông tiến hành bầu cử theo thể thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Thông qua số lượng Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2 là 07 người và số lượng Thành viên BKS nhiệm kỳ 2 là 03 người.

(Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 100%).

* Đại hội cổ đông công nhận kết quả bầu HĐQT; BKS nhiệm kỳ 2 (năm 2013- 2018) như sau:

- Danh sách trúng cử TV HĐQT nhiệm kỳ 2 gồm 07 người:

+ Ông Trần Minh Châu; DNXD Hà Hùng;

+ Ông Tony Cau Fong Hsun; Quỹ Vinacapital;

+ Ông Ngô Vĩnh Khương; Công ty CP Đô thị và khu CN Sông Đà;

+ Ông Nguyễn Hồng Nguyên; TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam;

+ Ông Vũ Khắc Tiệp; Công ty CP Sông Đà 5;

+ Ông Vũ Văn Tính; Công ty CP Sông Đà 10;

+ Ông Vũ Trọng Vinh; Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

- **Danh sách trúng cử TV BKS nhiệm kỳ 2 gồm 03 người:**

- + Ông Trần Tuấn Anh; Quỹ Vinacapital;
- + Ông Vũ Văn Hòa; Công ty CP Sông Đà 5;
- + Ông Trần Đình Tú; Công ty CP Sông Đà 10.

Điều 3.

1. Hội đồng quản trị họp phiên thứ nhất, ngày 13/5/2013. Thông qua việc: bầu ông *Ngô Vĩnh Khương* làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ năm 2013-2018;
2. Ban kiểm soát họp phiên thứ nhất, ngày 10/5/2013. Thông qua việc: bầu ông *Vũ Văn Hòa* làm Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2013-2018.

Điều 4. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật và của Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc thông qua tại phiên họp thường niên năm 2013, ngày 10 tháng 5 năm 2013./.

Nơi nhận: *Moc*

- Các Cổ đông là Pháp nhân;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc;
- Các Phòng Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- UBCKNN;
- Lưu: TCHC.

**CHỦ TRÌ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Bá Tôn

(phụ lục kèm theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCD ngày 15/2013)

DANH SÁCH ĐỀ CỬ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2 (NĂM 2013-2018).**

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp vụ.	Đơn vị công tác hiện nay
I	Danh sách Đề cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2 (xếp theo vần ABC)			
1	Trần Minh Châu	1960	Kĩ sư Xây dựng	DNXD Hà Hùng
2	Tony Cau Fong Hsun	1958	Kĩ sư cao cấp	Quỹ Vinacapital
3	Ngô Vĩnh Khương	1974	Thạc sỹ QTKD	Công ty CP Đô thị và khu CN Sông Đà
4	Nguyễn Hồng Nguyên	1973	Thạc sỹ Kĩ thuật điện	TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam
5	Vũ Khắc Tiệp	1957	Kĩ sư XD thủy điện	Công ty CP Sông Đà 5
6	Vũ Văn Tính	1958	Kĩ sư Khai thác hầm lò	Công ty CP Sông Đà 10
7	Vũ Trọng Vinh	1960	Cử nhân TCKT	Công ty CP ĐT& PT điện Tây Bắc
II	Danh sách Đề cử Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2 (xếp theo vần ABC)			
1	Trần Tuấn Anh	1982	Thạc sỹ TCKT	Quỹ Vinacapital
2	Vũ Văn Hòa;	1981	Thạc sỹ Kĩ thuật	Công ty CP Sông Đà 5
3	Trần Đình Tú	1972	Cử nhân TCKT	Công ty CP Sông Đà 10

Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 20.../5/2013 của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện năm 2012 - Kế hoạch SXKD năm 2013

TT	Chỉ tiêu KH	Đơn vị	TH NĂM 2012	KH năm 2013	Ghi chú
	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD VÀ ĐẦU TƯ	10⁶ đ	141.740	180.000	
	<i>Trong đó</i>				
I	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	10⁶ đ			
I	SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁶ đ	141.740	180.000	
1	Sản xuất & bán điện thương phẩm	10⁶ kWh	149,83	205,00	
	<i>Trong đó</i>				
a	NM thủy điện Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	61.073	90.000	
-	Giá trị bán điện	10 ⁶ đ	63.198	90.000	
+	<i>Sản xuất và bán điện</i>	10 ⁶ kWh	83,76	130,00	
b	NM TĐ Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ	35.155	90.000	
-	Giá trị bán điện	10 ⁶ đ	70.642	81.500	
+	<i>Sản xuất và bán điện</i>	10 ⁶ kWh	66,08	75,00	
+	<i>Thu từ giảm phát thải (CDM)</i>	10 ⁶ đ	7.900	8.500	
II	TỔNG DOANH THU TỪ SXKD (D.Thu thuần)	10⁶ đ	123.635	164.409	
1	Kinh doanh bán điện	10⁶ đ	121.673	155.909	
-	NM thủy điện Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	57.453	81.818	
-	NM TĐ Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ	64.220	74.091	
2	Kinh doanh giảm phát thải	10⁶ đ			
-	NM thủy điện Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ			
-	NM TĐ Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ	1.776	8.500	
3	Doanh thu hoạt động Tài chính	10⁶ đ	25		
4	Doanh thu khác	10⁶ đ	161		
III	CHI PHÍ SXKD	10⁶ đ	187.386	193.369	
1	Chi phí quản lý vận hành	10⁶ đ	19.674	19.025	
-	Chi phí tiền lương, thù lao HĐQT, BHXH, BHYT...	10 ⁶ đ	11.082	9.984	
-	Lương nhân viên trực tiếp	10 ⁶ đ	4.853	4.415	
-	Chi phí khác	10 ⁶ đ	3.739	4.626	
2	Thuế tài nguyên	10⁶ đ	3.913	5.890	
-	NM Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	2.135	3.736	
-	NM Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ	1.778	2.154	
3	Phi môi trường rừng	10⁶ đ	-	4.099	

TT	Chi tiêu KH	Đơn vị	TH NĂM 2012	KH năm 2013	Ghi chú
-	NM Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ		2.600	
-	NM Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ		1.499	
4	Khấu hao tài sản cố định	10⁶ đ	38.938	51.400	
-	NM Nậm Chiến 2	10 ⁶ đ	18.021	27.800	
-	NM Nậm Công & Nậm Sọi	10 ⁶ đ	20.917	23.600	
5	Lãi vay	10⁶ đ	124.861	112.955-	
a	Lãi vay dài hạn	10 ⁶ đ	118.034	99.554	
-	<i>NM Nậm Chiến 2</i>	<i>10⁶ đ</i>	64.142	55.640	
-	<i>NM Nậm Công & Nậm Sọi</i>	<i>10⁶ đ</i>	53.892	43.914	
b	Vay ngoài	10 ⁶ đ	6.827	236	
c	Lãi chậm trả nhà thầu	10 ⁶ đ		13.165	
IV	THU NHẬP KHÁC	10⁶ đ	1.535		
V	CHI PHÍ KHÁC	10⁶ đ	1.496		
VI	LỢI NHUẬN KHÁC	10⁶ đ	40		
VII	LỢI NHUẬN	10⁶ đ	-63.711	-28.960	

DOANH THU - CHI PHÍ

TỪ NĂM 2013 ĐẾN 2017

Căn cứ để tính:

- 1/ Doanh thu qua các năm và tình hình thực tế của các nhà máy, đơn giá bán điện của các nhà máy
- 2/ Số dư tiền vay, mức lãi suất đang áp dụng 12%/năm.
- 3/ Kế hoạch trả gốc vay (ABBank)
- 4/ Mức tích khấu hao (Khấu hao theo sản lượng của từng nhà máy)
- 5/ Các chính sách: Tiền thuế Tài nguyên, phí môi trường rừng, giá bán điện
- 6/ Số công nợ nhà thầu thực tế còn nợ

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	Doanh thu thuần	150.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
II	Chi phí					
1	Lãi vay vốn	178.925.787.100	175.925.787.100	169.300.000.000	168.400.000.000	166.400.000.000
2	Dự kiến lãi nhà thầu XD	99.425.787.100	99.425.787.100	97.300.000.000	95.000.000.000	93.000.000.000
3	Chi phí quản lý vận hành	8.100.000.000	4.500.000.000			
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
III	Kết quả	51.400.000.000 (28.925.787.100)	52.000.000.000 (15.925.787.100)	52.000.000.000 (9.300.000.000)	53.400.000.000 1.600.000.000	53.400.000.000 3.600.000.000